

Bản án số: 331/2018/DS-ST

Ngày: 02/8/2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Tám

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Công Lý

Bà Lê Thị Thanh Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2018/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ trụ sở: Đường H, Phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh: Đường T, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ liên lạc: Đường L, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 12302/2018/UQ-VPB ngày 05/4/2018 và số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018), (Có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1966; địa chỉ: Đường G, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và đường G, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại cổ phần V có ông Nguyễn Văn T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Bá T ký 04 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần V để vay tiền với nội dung như sau:

+ Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/5213/HĐTD/UPL ngày 22/7/2014, số tiền vay 35.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay để tiêu dùng, lãi suất thỏa thuận là 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, giải ngân ngày 22/7/2014;

+ Hợp đồng tín dụng số 2049114 ngày 20/10/2014 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2014), số tiền vay 34.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để tiêu dùng, lãi suất thỏa thuận là 30%/năm, giải ngân ngày 20/10/2014;

+ Hợp đồng tín dụng số 3040499 ngày 20/3/2015 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2015), số tiền vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để tiêu dùng, lãi suất thỏa thuận là 27%/năm, giải ngân ngày 20/3/2015;

+ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-594847 ngày 17/4/2015 (Căn cứ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/4/2015) sử dụng thẻ MasterCard MC2, hạn mức sử dụng thẻ 17.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng.

Thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Bá T đã nhận đủ số tiền vay trên theo các hợp đồng đã ký và đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền nợ như sau: Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/5213/HĐTD/UPL ngày 22/7/2014 đã thanh toán nợ gốc và lãi là 19.659.264 đồng, trong đó nợ gốc là 12.093.192 đồng, nợ lãi là 7.566.072 đồng; Hợp đồng tín dụng số 2049114 ngày 20/10/2014 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2014) đã thanh toán nợ gốc và lãi là 10.175.405 đồng, trong đó nợ gốc là 4.477.670 đồng, nợ lãi là 5.697.735 đồng; Hợp đồng tín dụng số 3040499 ngày 20/3/2015 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2015) đã thanh toán nợ gốc và lãi là 2.053.902 đồng, trong đó nợ gốc là 920.073 đồng, nợ lãi là 1.133.829 đồng. Sau đó, ông Nguyễn Bá T không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V nữa.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nhiều lần nhắc nhở ông Nguyễn Bá T trả nợ còn lại nhưng ông Nguyễn Bá T vẫn không trả. Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện ông Nguyễn Bá T và yêu cầu ông Nguyễn Bá T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V các khoản nợ còn lại theo 04 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 04/7/2018 như sau:

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số HCM/14/5213/HĐTD/UPL ngày 22/7/2014 là 55.549.218 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 22.906.808 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 21.771.221 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 10.871.189 đồng;

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 2049114 ngày 20/10/2014 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2014) là 74.045.471 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 29.522.330 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 28.085.071 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 16.438.070 đồng;

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 3040499 ngày 20/3/2015 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2015) là 55.284.403 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 24.079.927 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 20.625.041 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 10.579.435 đồng;

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-594847 ngày 17/4/2015 (Căn cứ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/4/2015) sử dụng thẻ MasterCard MC2 là 39.741.355 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 15.749.900 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 16.108.053 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 7.883.402 đồng;

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi của 04 hợp đồng tín dụng nêu trên là 224.620.447 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 92.258.965 đồng, tiền nợ lãi là 132.361.482 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu ông Nguyễn Bá T phải trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 05/7/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập ông Nguyễn Bá T tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Nguyễn Bá T không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của ông Nguyễn Bá T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã ký hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Bá T theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1]. Về tố tụng:*

*Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Ông Nguyễn Bá T có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần V có ký hợp đồng tín dụng, do đó có cơ sở xác định giữa ông Nguyễn Bá T và Ngân hàng Thương mại cổ phần V có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do ông Nguyễn Bá T không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện. Ông Nguyễn Bá T cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Riêng Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5213/HĐTD/UPL ngày 22/7/2014 các bên có thỏa thuận tại Điều 13 quy định khi có tranh chấp xảy ra mà các bên không tự thỏa thuận được thì một trong các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết, nơi thực hiện hợp đồng chính là nơi có địa chỉ của ngân hàng nêu tại phần đầu của hợp đồng là địa chỉ của chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần V tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Công văn hướng dẫn số 552/TA ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì pháp luật chỉ cho phép các đương sự thỏa thuận chọn Tòa án giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn, vì vậy nên thỏa thuận này của các bên đương sự không đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi có bị đơn cư trú là Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Về người tham gia tố tụng:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự triệu tập ông Nguyễn Bá T tới Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Bá T vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho ông Nguyễn Bá T, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Bá T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Bá T.

*[2]. Về yêu cầu của các đương sự:*

Đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng số HCM/14/5213/HĐTD/UPL ngày 22/7/2014, số 2049114 ngày 20/10/2014 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2014), số 3040499 ngày 20/3/2015 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2015), số 325-P-594847 ngày 17/4/2015 (Căn cứ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/4/2015) được ký giữa ông Nguyễn Bá T với Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng trên và bảng kê chi tiết nợ tiền gốc và lãi thể hiện ông Nguyễn Bá T có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần V với nội dung thỏa thuận như trên. Thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Bá T đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền nợ như sau: Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số HCM/14/5213/HĐTD/UPL ngày 22/7/2014 đã thanh toán nợ gốc và lãi là 19.659.264 đồng, trong đó nợ gốc là 12.093.192 đồng, nợ lãi là 7.566.072 đồng; Hợp đồng tín dụng số 2049114 ngày 20/10/2014 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2014) đã thanh toán nợ gốc và lãi là 10.175.405 đồng, trong đó nợ gốc là 4.477.670 đồng, nợ lãi là 5.697.735 đồng; Hợp đồng tín dụng số 3040499 ngày 20/3/2015 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2015) đã thanh toán nợ gốc và lãi là 2.053.902 đồng, trong đó nợ gốc là 920.073 đồng, nợ lãi là 1.133.829 đồng. Sau đó, ông Nguyễn Bá T không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V nữa.

Như vậy, theo nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn còn thiếu nguyên đơn các khoản nợ còn lại của 04 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 04/7/2018 như sau: Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số HCM/14/5213/HĐTD/UPL ngày 22/7/2014 là 55.549.218 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 22.906.808 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 21.771.221 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 10.871.189 đồng; tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số

2049114 ngày 20/10/2014 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2014) là 74.045.471 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 29.522.330 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 28.085.071 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 16.438.070 đồng; tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 3040499 ngày 20/3/2015 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2015) là 55.284.403 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 24.079.927 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 20.625.041 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 10.579.435 đồng; tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-594847 ngày 17/4/2015 (Căn cứ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/4/2015) sử dụng thẻ MasterCard MC2 là 39.741.355 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 15.749.900 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 16.108.053 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 7.883.402 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi của 04 hợp đồng tín dụng nêu trên là 224.620.447 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 92.258.965 đồng, tiền nợ lãi là 132.361.482 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu ông Nguyễn Bá T phải trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 05/7/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Hội đồng xét xử nhận định đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất của 04 hợp đồng tín dụng nêu trên mà các bên đã ký thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Do ông Nguyễn Bá T vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật.

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với việc buộc bị đơn ông Nguyễn Bá T phải trả một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn các khoản nợ còn lại của 04 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 04/7/2018 như sau:

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số HCM/14/5213/HĐTD/UPL ngày 22/7/2014 là 55.549.218 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 22.906.808 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 21.771.221 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 10.871.189 đồng;

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 2049114 ngày 20/10/2014 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2014) là 74.045.471 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 29.522.330 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 28.085.071 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 16.438.070 đồng;

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 3040499 ngày 20/3/2015 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2015) là 55.284.403 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 24.079.927 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 20.625.041 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 10.579.435 đồng;

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-594847 ngày 17/4/2015 (Căn cứ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/4/2015) sử dụng thẻ MasterCard MC2 là 39.741.355 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 15.749.900 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 16.108.053 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 7.883.402 đồng;

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi của 04 hợp đồng tín dụng nêu trên là 224.620.447 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 92.258.965 đồng, tiền nợ lãi là 132.361.482 đồng.

Ngoài ra, ông Nguyễn Bá T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 05/7/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thỏa thuận trong 04 hợp đồng tín dụng đã ký.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V được chấp nhận nên ông Nguyễn Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.231.022 đồng đối với khoản nợ mà ông Nguyễn Bá T phải trả là 224.620.447 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 4.767.804 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0027685 ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 361, 305, 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

- Buộc ông Nguyễn Bá T chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V các khoản nợ của 04 hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 04/7/2018 như sau:

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số HCM/14/5213/HĐTD/UPL ngày 22/7/2014 là 55.549.218 (Năm mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm mười tám) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 22.906.808 (Hai mươi hai triệu chín trăm lẻ sáu nghìn tám trăm lẻ tám) đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 21.771.221 (Hai mươi một triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn hai trăm hai mươi một) đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 10.871.189 (Mười triệu tám trăm bảy mươi một nghìn một trăm tám mươi chín) đồng;

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 2049114 ngày 20/10/2014 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2014) là 74.045.471 (Bảy mươi bốn triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi một) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 29.522.330 (Hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn ba trăm ba mươi) đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 28.085.071 (Hai mươi tám triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi một) đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 16.438.070 (Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn không trăm bảy mươi) đồng;

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 3040499 ngày 20/3/2015 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2015) là 55.284.403 (Năm mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ ba) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 24.079.927 (Hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm hai mươi bảy) đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 20.625.041 (Hai mươi triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn không trăm bốn mươi một) đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 10.579.435 (Mười triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi lăm) đồng;

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-594847 ngày 17/4/2015 (Căn cứ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/4/2015) sử dụng thẻ MasterCard MC2 là 39.741.355 (Ba mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn ba trăm năm mươi lăm) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 15.749.900 (Mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm) đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 16.108.053 (Mười sáu triệu một trăm lẻ tám nghìn không trăm năm mươi ba) đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 7.883.402 (Bảy triệu tám trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm lẻ hai) đồng;

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi của 04 hợp đồng tín dụng nêu trên là 224.620.447 (Hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 92.258.965 (Chín mươi hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi lăm) đồng, tiền nợ lãi là 132.361.482 (Một trăm ba mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm tám mươi hai) đồng.

Ngoài ra, ông Nguyễn Bá T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 05/7/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thỏa thuận trong 04 hợp đồng tín dụng số HCM/14/5213/HĐTD/UPL ngày 22/7/2014, số 2049114 ngày 20/10/2014 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2014), số 3040499 ngày 20/3/2015 (Căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2015), số 325-P-594847 ngày 17/4/2015 (Căn cứ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/4/2015) đã ký.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Bá T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.231.022 (Mười một triệu hai trăm ba mươi một nghìn không trăm hai mươi hai) đồng đối với khoản nợ mà ông Nguyễn Bá T phải trả là 224.620.447 (Hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.767.804 (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm lẻ bốn) đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0027685 ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Bá T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Đặng Thị Tám**

